

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 9 - 2020
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thái Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Minh Thuận**.

2. Bà **Thạch Thị Sà Phải**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Hường** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Trần Văn Hường** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2020/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trịnh Thị H**, sinh năm 1978;

Nơi cư trú: Số nhà A, ấp Thanh L, xã Đ, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

- Bị đơn: Ông **Quách Thanh T**, sinh năm 1973;

Nơi cư trú: Số nhà A, ấp Thanh L, xã Đ, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/01/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trịnh Thị H trình bày:**

Bà Trịnh Thị H và ông Quách Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Long Phú (nay là huyện Trần Đề), tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyển số 01 ngày 18/3/2010. Vợ chồng chung sống đến tháng 5/2013 thì xảy ra mâu thuẫn, ông T không quan tâm đời sống gia đình, vợ chồng thường hay cãi vã nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2019 đến nay. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến việc bà Trịnh Thị H đưa ra

yêu cầu ly hôn với ông Quách Thanh T, trong đó ông Quách Thanh T không quan tâm đến vợ con. Ngoài ra ông Quách Thanh T còn sử dụng bạo lực đối với vợ. Sự việc xảy ra vào ngày mùng 03 tết nguyên đán năm 2020 (ngày 27/01/2020). Bà Trịnh Thị H đã báo và Công an xã Đ có tiến hành lập biên bản sự việc xảy ra.

Trong quá trình chung sống vợ chồng có ba con chung tên Quách Thị Chúc N, sinh ngày 20/11/1998, Quách Nhật H, sinh ngày 07/02/2003 và Quách Nhật H2, sinh ngày 13/7/2009, hiện nay ba con chung do bà H nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có.

Nay bà Trịnh Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà Trịnh Thị H yêu cầu ly hôn với ông Quách Thanh T.

- Về con chung: Quách Thị Chúc N, sinh ngày 20/11/1998 đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Trịnh Thị H yêu cầu được nuôi hai con chung tên Quách Nhật H, sinh ngày 07/02/2003 và Quách Nhật H2, sinh ngày 13/7/2009 cho đến khi thành niên, bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Trịnh Thị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trịnh Thị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện bà Trịnh Thị H đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

- + Giấy chứng minh nhân dân mang tên Trịnh Thị H (bản sao chứng thực);
- + Sổ hộ khẩu tên chủ hộ Trịnh Văn Tình (bản sao chứng thực);
- + Giấy chứng nhận kết hôn số 28 quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Long Phú (huyện Trần Đề), tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 18/3/2010;
- + Bản sao giấy khai sinh tên Quách Nhật H2, sinh ngày 13/7/2009;
- + Giấy khai sinh tên Quách Nhật H, sinh ngày 07/02/2003 (bản sao chứng thực);
- + Giấy khai sinh tên Quách Thị Chúc N, sinh ngày 20/11/1998 (bản sao chứng thực);

* Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 20/5/2020 bà Trịnh Thị H có văn bản yêu cầu xin vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành ghi ý kiến của cháu Quách Nhật H2, sinh ngày 13/7/2009 và Quách Nhật H, sinh ngày 07/02/2003 để xem xét nguyện vọng: Cả hai cháu Quách Nhật H1 và Quách Nhật H2 đều có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là bà Trịnh Thị H trong trường hợp cha mẹ ly hôn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như hỗ trợ cho nguyên đơn trong việc gửi các tài liệu chứng cứ cho ông Quách Thanh T. Ông Quách Thanh T đã trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, tuy nhiên ông Quách Thanh T không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập. Đến ngày 04/9/2020, ông Quách Thanh T đã có đơn

yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt đồng thời ông Quách Thanh T thống nhất với yêu cầu khởi kiện mà bà Trịnh Thị H đưa ra. Ông Quách Thanh T cũng không đưa ra thêm tài liệu chứng cứ hoặc yêu cầu triệu tập thêm người tham gia tố tụng trong vụ án.

* Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trịnh Thị H và bị đơn ông Quách Thanh T vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy tình cảm vợ chồng bà Trịnh Thị H và bị đơn ông Quách Thanh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của Trịnh Thị H cho vợ chồng bà H ông T ly hôn. Về con chung giao cho bà Trịnh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng và ông T không phải cấp dưỡng cho con chung. Về tài sản chung và nợ chung đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra còn buộc bà Trịnh Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 31/01/2020, bà Trịnh Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Quách Thanh T có nơi cư trú tại ấp Thanh L, xã Đ, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Nguyên đơn bà Trịnh Thị H, Bị đơn ông Quách Thanh T vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Trịnh Thị H:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2010 bà Trịnh Thị H và ông Quách Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Long Phú (nay là huyện Trần Đề), tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyển số 01 ngày 18/3/2010. Theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trịnh Thị H và ông Quách Thanh T là hợp pháp.

[3.2] Theo trình bày của bà Trịnh Thị H: Vợ chồng thường hay có nhiều nguyên nhân dẫn đến việc bà Trịnh Thị H đưa ra yêu cầu ly hôn với ông Quách Thanh T, trong đó ông Quách Thanh T không quan tâm đến vợ con. Ngoài ra ông Quách Thanh T còn sử dụng bạo lực đối với vợ. Sự việc xảy ra vào ngày mùng 03 tết nguyên đán năm 2020 (ngày 27/01/2020). Bà Trịnh Thị H có báo và Công an xã Đ đã tiếp hành lập biên bản sự việc xảy ra. Tuy nhiên vấn đề này bà H không cung cấp được cho Tòa án các biên bản của địa phương nên chưa thể xác định ông Quách Thanh T có bạo lực gia đình vi phạm điểm h khoản 2 Điều 5 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.3] Ý kiến trong đơn xin xét xử vắng mặt của ông Quách Thanh T: ông Quách Thanh T thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không đưa ra thêm tài liệu chứng cứ hoặc yêu cầu triệu tập thêm người tham gia tố tụng trong vụ án. Vấn đề này Hội đồng xét xử thấy rằng trong suốt quá trình thụ lý vụ án cho đến trước khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập các bên đương sự đến để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhưng ông Quách Thanh T đã vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ cũng như các phiên hòa giải. Trong đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ông T lại đưa ra ý kiến là đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H. Việc này cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H cho bà H được ly hôn với ông T.

[3.4] Về con chung: Bà Trịnh Thị H xác định vợ chồng có ba con chung tên Quách Thị Chúc N, sinh ngày 20/11/1998, Quách Nhật H, sinh ngày 07/02/2003 và Quách Nhật H2, sinh ngày 13/7/2009, hiện nay ba con chung do bà H nuôi dưỡng. Việc này cũng hoàn toàn phù hợp với các giấy khai sinh mang tên Quách Thị Chúc N, Quách Nhật H1 và Quách Nhật H2 thể hiện là con chung của bà H ông T.

[3.5] Xét yêu cầu của bà H được nuôi hai con chung tên Quách Nhật H, sinh ngày 07/02/2003 và Quách Nhật H2, sinh ngày 13/7/2009 cho đến khi thành niên. Qua ý kiến trình bày nguyện vọng của hai con chung Quách Nhật H1 và Quách Nhật H2 đều có nguyện vọng sống cùng với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Ông T cũng không có ý kiến gì về việc này. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Quách Nhật H1 và Quách Nhật H2 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Đối với con chung tên Quách Thị Chúc N, sinh ngày 20/11/1998 đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.6] Về cấp dưỡng nuôi con: bà H tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai cháu Quách Nhật H1 và Quách Nhật H2 nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.7] Bên cạnh đó ông Quách Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung mà không ai được cản trở theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Bà Trịnh Thị H xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Trịnh Thị H xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy bà Trịnh Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Ông Quách Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Trịnh Thị H, ông Quách Thanh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56 các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị H.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị H được ly hôn với ông Quách Thanh T. Quan hệ hôn nhân giữa bà Trịnh Thị H ông Quách Thanh T theo giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyển số 01, do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Long Phú (nay là huyện Trần Đề), tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 18/3/2010 chấm dứt kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Quách Nhật H, sinh ngày 07/02/2003 và Quách Nhật H2, sinh ngày 13/7/2009 (hiện nay Quách Nhật H1 và Quách Nhật H2 đang sống chung với bà Trịnh Thị H) cho bà Trịnh Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Ông Quách Thanh T không phải cấp dưỡng cho cháu Quách Nhật H1 và Quách Nhật H2. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Quách Thanh T mà không ai được cản trở. Ông Quách Thanh T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà Trịnh Thị H.

3/ Về tài sản chung: Bà Trịnh Thị H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Trịnh Thị H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trịnh Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002049, ngày 25/02/2020

của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (bà H đã thực hiện xong). Ông Quách Thanh T không phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trịnh Thị H và ông Quách Thanh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KT, NV&THA);
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Thái Ngọc